TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HS-ST.
Ngày: 20/3/2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ - TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Giang.

2. Bà Huỳnh Thị Thu Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2024/HSST ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Hai D; sinh ngày 24/4/1995; nơi sinh tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K; sinh năm: 1967 và bà Lê Thị Thu L; sinh năm: 1974; bị cáo có vợ là Phan Thị Băng T; sinh năm: 1998 (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: không. Sau thời gian bỏ trốn thì vào ngày 30/11/2023 bị cáo đến Cơ quan CSĐT công an huyện Đ đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2023 đến ngày 13/12/2023 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng***.**

1. Anh Nguyễn Thanh T1; sinh năm 1988; Trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt).

2. Anh Phạm Quốc T2; sinh năm 1987; Trú tại: Số D P, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

3. Anh Trần Hữu S; sinh năm 1986; Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

4. Anh Phạm Xuân H; sinh năm 1992; Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

5. Anh Hồ Thế S1; sinh năm 1997; Trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

6. AnhVõ Duy T3; sinh năm 2001; Trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Anh Nguyễn Đức T4; sinh năm 1989; Trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Anh Nguyễn Thế V; sinh năm 1990; Trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Ông Lê Hữu P; sinh năm 1964; Trú tại: thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Anh Cao T5;sinh ngày 1977; Trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

11. Chị Phạm Thị K1; sinh năm 1971; Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

12. Bà Lê Thị Đ; sinh ngày 1966; Trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

13. Chị Lê Thị Ái V1 ; sinh năm 1983; Trú tạ: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

14. Anh Lê Phú T6; sinh năm 1973; Trú tại: thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10/4/2023, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Đức T4, C, Hoàng Văn Đ1 *(chưa xác định được nơi cư trú)*, Lê Hữu P, Lê Phú T6, Phạm Quốc T2 và Phạm Thị K1 ngồi ở quán nước thuộc thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Tại đây, Nguyễn Thanh T1 rủ T4, T5, Đ1, P, K1, Lê Phú T6 và Phạm Quốc T2 lên lô cao su thuộc thôn G, xã Đ, huyện Đ đánh bạc bằng hình thức xóc bầu cua thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng thì tất cả đồng ý và đi lên trước, riêng Nguyễn Thanh T1 điều khiển xe mô tô biển số 82B1-518.95 của T1 đi về nhà lấy 01 *(một)* bộ bầu cua có sẵn ở nhà rồi đi đến lô cao su. Nguyễn Thanh T1 lấy bộ xóc bầu cua ra, cầm cái và bắt đầu đánh bạc bằng hình thức xóc bầu cua thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng cùng với 07 người nêu trên. Trước khi vào chơi, Cao Thuận mượn của Nguyễn Thanh T1 số tiền 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)* vì T5 không mang theo tiền. Khoảng 13 giờ 00 phút, có Lê Thị Đ đến và xin tham gia đánh bạc cùng. Khoảng 30 phút sau có Lê Thị Ái V1 đến xin tham gia đánh bạc cùng. Khoảng 14 giờ 00 phút, Nguyễn Thế V đến xin tham gia đánh bạc cùng. Trong lúc đang đánh bạc thì Nguyễn

Thanh T1 gọi điện thoại cho Võ Duy T7 nhờ mua nước và thuốc lá đưa đến địa điểm đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ 30 phút, T7 điều khiển xe mô tô biển số 60Y-0384 mang nước, thuốc lá đến cho T1 và những người chơi sử dụng, T1 trả lại cho T7 số tiền 200.000 đồng *(hai trăm ngàn đồng)* tiền nước và thuốc lá, sau đó T7 dùng số tiền 200.000 đồng này để tham gia đánh bạc cùng. Đến thời điểm này có tất cả 12 *(mười hai)* người cùng tham gia đánh bạc là: Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Đức T4, C, Hoàng Văn Đ1, Lê Hữu P, Lê Phú T6, Phạm Quốc T2, Võ Duy T7, Nguyễn Thế V, Lê Thị Đ, Lê Thị Ái V1 và Phạm Thị K1. Đến khoảng 14 giờ 45 phút thì có 08 *(tám)* người gồm: T4, T5, Đ1, P, V1, Đ, K1 và Lê Phú T6 đi về trước, 04 *(bốn)* người còn lại là: T1, V, T7 và Phạm Quốc T2 tiếp tục đánh bạc cùng nhau. Khoảng 15 giờ 30 phút, Phạm Xuân H điều khiển xe mô tô biển số 82H1-030.11 đến xin tham gia đánh bạc cùng. Khoảng 16 giờ 30 phút, Nguyễn Hai D điều khiển xe mô tô biển số 82H1-131.61 đến xin tham gia đánh bạc. Một lúc sau, V đi về thì gặp Trần Hữu S điều khiển xe mô tô biển số 82H1-036.94 đến xin tham gia đánh bạc. Khoảng 17 giờ 30 phút, có thêm Hồ Thế S1 điều khiển xe mô tô biển số 82K7-9262 đến cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 17 giờ 40 phút cùng ngày, thì bị lực lượng Công an Huyện Đ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền 18.400.000 đồng, gồm: thu giữ tại chiếu bạc 400.000 đồng *(bốn trăm ngàn đồng)*; thu trên người của Phạm Quốc T2 số tiền 12.200.000 đồng *(mười hai triệu hai trăm ngàn đồng)* và thu trên người Trần Hữu S số tiền 5.800.000 đồng *(năm triệu tám trăm ngàn đồng)* và một bộ bầu cua. Sau khi lập biên bản đã đưa các đối tượng, cùng tang vật về Công an huyện để làm việc. Khi bị bắt quả tang thì Phạm Quốc T2 đang là người cầm cái.

* Hình thức đánh bạc *(đánh bầu cua)* như sau: Quá trình đánh bầu cua được chia thành các ván, không giới hạn người chơi. Mỗi ván người chơi đặt cược từ 10.000 đồng *(mười ngàn đồng)* đến 500.000 đồng *(năm trăm ngàn đồng)* tùy từng người chơi. Trong quá trình điều tra, xác định được số tiền các bị cáo khai sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau:

+ Phạm Quốc T2 sử dụng số tiền 8.200.000 đồng.

+ Trần Hữu S sử dụng số tiền khoảng 5.000.000đồng (Không nhớ chính xác mang theo bao nhiêu tiền).

+ Phạm Xuân H mang theo 300.000 đồng và mượn thêm của Nguyễn Thanh T1 700.000đ để dùng vào việc đánh bạc.

+ Nguyễn Thanh T1 mang theo 4.000.000 đồng (nhưng đã cho T5 mượn 1.000.000 đồng trước lúc đánh bạc, Hiệp mượn 700.000 đồng trong lúc đánh bạc – đều không cầm cố tài sản gì) còn lại sử dụng vào việc đánh bạc.

+ Hồ Thế S1 sử dụng số tiền 700.000 đồng.

+ Nguyễn Hai D sử dụng số tiền 360.000 đồng.

+ Võ Duy T7 sử dụng số tiền 200.000 đồng.

+ Nguyễn Đức T4 sử dụng số tiền 660.000 đồng.

+ Nguyễn Thế V sử dụng số tiền 500.000 đồng.

+ Lê Hữu P sử dụng số tiền 200.000 đồng.

+ Cao Thuận sử dụng số tiền 1.000.000 đồn đồng (mượn của T1).

+ Phạm Thị K1 sử dụng số tiền 250.000 đồng.

+ Lê Thị Đ sử dụng số tiền 60.000 đồng.

+ Lê Thị Ái V1 sử dụng số tiền 280.000 đồng.

+ Lê Phú T6 sử dụng số tiền 300.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền còn lại sau khi tham gia đánh bạc như sau:

- Nguyễn Thanh T1: Đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.100.000 đồng
- Hồ Thế S1: Đã tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng
- Nguyễn Hai D: Đã tự nguyện giao nộp số tiền 120.000 đồng
- Võ Duy T7: Đã tự nguyện giao nộp số tiền 200.000 đồng
- Lê Hữu P: Đã tự nguyện giao nộp số tiền 100.000 đồng
- Phạm Thị K1: Đã tự nguyện giao nộp số tiền 150.000 đồng
- Lê Thị Ái V1: Đã tự nguyện giao nộp số tiền 130.000 đồng
- Lê Thị Đ: Đã tự nguyện giao nộp số tiền 20.000 đồng
- Lê Phú T6: Đã tự nguyện giao nộp số tiền 450.000 đồng

Tổng số tiền Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Hai D, Hồ Thế S1, Võ Duy T7, Lê Hữu P, Phạm Thị K1, Lê Thị Ái V1, Lê Thị Đ và Lê Phú T6 tự nguyện giao nộp là 2.770.000 đồng *(Hai triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng)*.

Tổng số tiền cơ quan Công an thu giữ là 21.170.000 đồng *(hai mươi mốt triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng)*. Trong đó, thu giữ tại chiếu bạc 400.000 đồng *(bốn trăm ngàn đồng)*; thu trên người của Phạm Quốc T2 số tiền 12.200.000 đồng *(mười hai triệu hai trăm ngàn đồng)* và thu trên người Trần Hữu S số tiền 5.800.000 đồng *(năm triệu tám trăm ngàn đồng),* một số đối tượng tự nguyện giao nộp là 2.770.000 đồng *(hai triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng)*. Còn số tiền 700.000 đồng *(bảy trăm ngàn đồng)* chưa thu giữ được là số tiền bị cáo Hiệp mượn của bị cáo T1 trong lúc đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc là **21.870.000 đồng.**

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKSĐH ngày 02/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Nguyễn Hai D về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum giữ nguyên cáo trạng, quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hai D đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáoNguyễn Hai D phạm tội *"Đánh bạc"* và đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 *(Sáu)* đến 09 *(Chín)* tháng Cải tạo không giam giữ được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2013 đến ngày 13/12/2023; bị cáo làm nông, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập.

Về vật chứng vụ án: Đã được xử lý tại Bản án số: 38/2023/HSST ngày 18/12/2023 của TAND huyện Đăk Hà nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung cáo trạng truy tố,bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai và hối hận về hành vi của mình đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với sự vắng mặt của những người làm chứng. Xét thấy, những người làm chứng đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội củabị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hai D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 17 giờ 40 phút, ngày 10/4/2023, tại lô cao su thuộc thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, Công an Huyện Đ đã phát hiện, bắt quả tang nhiều đối tượng tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc bầu cua, thắng thua bằng tiền; kết quả điều tra xác định được chiều ngày 10/4/2023, Nguyễn Thanh T1 là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, rủ rê nhiều đối tượng tham gia đánh bạc. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc trong vụ án là **21.870.000** đồng *(hai mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng)*, trong đó bị cáo Nguyễn Hai D sử dụng số tiền để đánh bạc là **360.000** đồng *(Ba trăm sáu mươi nghìn đồng)*; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo về tội *"Đánh bạc"* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo*:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương là nguyên nhân có

thể dẫn đến nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy, cần xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để xử phạt bị cáo một mức án tương xứng nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, trước khi thực hiện hành vi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng ngoài ra bị cáo còn ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] *Về quyết định hình phạt*: Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu.

Về khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự thì người bị phạt cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quy nhà nước. Tuy nhiên, bản thân bị cáo hiện làm nông, thu nhập không ổn định, vợ chồng đã ly hôn và hiện đang nuôi một con nhỏ nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo có hiện đang làm nông, thu nhập không ổn định và đang nuôi một con nhỏ nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đã được xử lý tại bản án Bản án số 38/2023/HSST ngày 18/12/2023 của TAND huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[8] Về án phí sơ thẩm:*Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hai D phạm tội "*Đánh bạc*".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hai D 07 (*Bảy*) tháng Cải tạo không giam giữ. Được trừ 14 (*Mười bốn*) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 30/11/2023 đến ngày 13/12/2023), quy đổi thành 42 (*Bốn mươi hai*) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (*Năm)* tháng 18 (*Mười tám*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Đ, tỉnh Kon Tum nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Hai D cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo, thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Hai D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/3/2024).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Đăk Hà;
- UBND xã Đăk La, huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Bị cáo;
- Sơ tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tiến